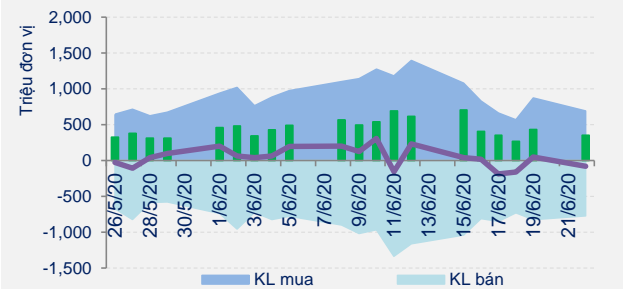
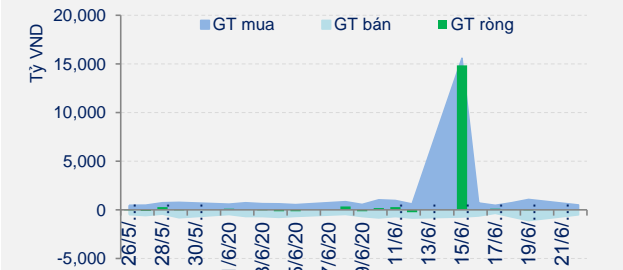


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 22/6/2020

| Thông kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|-------------|-------------|
| Index | 869.05 | 114.72 |
| % Thay đổi | ↑ 0.06% | ↓ -0.55% |
| KLGD (CP) | 350,370,945 | 61,493,338 |
| GTGD (tỷ đồng) | 4,426.36 | 580.26 |
| Tổng cung (CP) | 771,841,170 | 109,779,500 |
| Tổng cầu (CP) | 690,797,950 | 101,632,500 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|------------|---------|
| KL bán (CP) | 15,931,513 | 268,420 |
| KL mua (CP) | 12,116,825 | 206,293 |
| GTmua (tỷ đồng) | 496.48 | 3.04 |
| GT bán (tỷ đồng) | 518.73 | 3.70 |
| GT ròng (tỷ đồng) | (22.25) | (0.66) |

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


| Ngành Cấp 1 | % thay đổi | P/E | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|-----|--------|
| Công nghệ Thông tin | ↑ 0.18% | 11.2 | 1.9 | 1.3% |
| Công nghiệp | ↑ 0.47% | 11.9 | 2.3 | 12.0% |
| Dầu khí | ↔ 0.00% | 53.5 | 1.7 | 4.1% |
| Dịch vụ Tiêu dùng | ↓ -0.11% | 29.9 | 4.0 | 6.1% |
| Dược phẩm và Y tế | ↑ 0.06% | 12.1 | 2.2 | 1.4% |
| Hàng Tiêu dùng | ↑ 0.53% | 14.4 | 3.9 | 14.3% |
| Ngân hàng | ↓ -0.10% | 8.5 | 2.2 | 9.9% |
| Nguyên vật liệu | ↑ 0.01% | 14.6 | 1.6 | 19.7% |
| Tài chính | ↑ 0.44% | 14.8 | 2.5 | 29.5% |
| Tiền ịch Cộng đồng | ↑ 0.66% | 11.5 | 2.0 | 1.8% |
| VN - Index | ↑ 0.06% | 14.1 | 2.7 | 118.6% |
| HNX - Index | ↓ -0.55% | 9.4 | 1.3 | -18.6% |

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm nhẹ trong phiên đầu tuần với thanh khoản giảm nhẹ. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 2,72 điểm (+0,31%) lên 871,28 điểm; HNX-Index giảm 0,64 điểm (-0,55%) xuống 114,72 điểm. Thanh khoản trên hai sàn giảm nhẹ so với phiên cuối tuần trước và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 5.930 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch là 411 triệu cổ phiếu; trong đó, giao dịch thỏa thuận chiếm 1.065 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là tích cực với 334 mã tăng, 120 mã tham chiếu, 274 mã giảm. Thị trường giao dịch với sắc xanh trong gần như toàn bộ thời gian nhờ lực cầu được duy trì tốt từ đầu phiên cho đến cuối phiên bất chấp việc bên bán có sự mạnh lên trong một số thời điểm. Nhóm trụ cột có sự phân hóa với các mã tăng như VHM (+2,4%), MSN (+2,3%), GAS (+0,7%), TCB (+1,2%), VNM (+0,3%), MWG (+1,7%), VCB (+0,1%)... và các trụ cột kết phiên trong sắc đỏ là VIC (-0,4%), VJC (-0,9%), VRE (-0,7%), GVR (-1,2%), BID (-0,4%)... Trên sàn HNX, các trụ cột ACB (-1,2%), SHB (-1,4%), VNR (-8,4%)... giảm khiến chỉ số HNX-Index điều chỉnh trong phiên đầu tuần. Nhóm cổ phiếu phân bổ hóa chất thu hút dòng tiền và đồng loạt tăng mạnh với DPM (+7%), DCM (+6,9%), DRI (+8,5%), BFC (+6,3%), LAS (+4,5%)...

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Thị trường tăng nhẹ với thanh khoản dưới mức trung bình 20 phiên, các cổ phiếu trụ cột phân hóa cho thấy diễn biến tích lũy quanh đường MA20 đang tiếp diễn. Điều này cũng đồng pha với diễn biến tại thị trường chứng khoán Mỹ trong phiên thứ sáu tuần trước khi các chỉ số chính kết phiên trái chiều. Trên góc nhìn kỹ thuật, VN-Index sẽ mở ra một nhịp tăng mới của sóng 5 nếu như bút phá qua được ngưỡng 870 điểm (MA20) với thanh khoản tốt. Trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30 tháng 7 phân kỳ so với chỉ số cơ sở VN30 khi giảm trong phiên hôm nay, qua đó nới rộng mức basis âm lên thành 12,07 điểm, cho thấy nhà đầu tư phái sinh vẫn nghiêng về khả năng thị trường sẽ giảm trong thời gian tới. Chúng tôi cho rằng thị trường có thể diễn biến tích cực hơn trong thời gian tới nhưng có thể sẽ cần thêm thời gian để tích lũy. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 23/6, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm với ngưỡng kháng cự gần nhất quanh 880 điểm (fibonacci retracement 61,8%). Nhà đầu tư nên đứng ngoài và quan sát thị trường trong giai đoạn hiện tại và có thể tăng tỷ trọng khi vượt ngưỡng 870 điểm (MA20) cũng như giảm tỷ trọng nếu thị trường thủng ngưỡng 840 điểm (fibonacci retracement 50%).

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 22/6/2020

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong gần như toàn bộ thời gian phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 872,94 điểm. Cũng có thời điểm trong phiên, chỉ số điều chỉnh xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 867,37 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 2,72 điểm (+0,31%) lên 871,28 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VHM tăng 1.800 đồng, MSN tăng 1.300 đồng, GAS tăng 500 đồng. Ở chiều ngược lại, VIC giảm 400 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong phiên giao dịch sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 116,462 điểm. Về chiều, chỉ số giảm xuống dưới tham chiếu, với mức thấp nhất trong phiên tại 114,535 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 0,64 điểm (-0,55%) xuống 114,72 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: ACB giảm 300 đồng, SHB giảm 200 đồng, VNR giảm 1.900 đồng. Ở chiều ngược lại, DL1 tăng 1.500 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 22,87 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 4 triệu cổ phiếu. VNM là mã bị bán ròng nhiều nhất với 33,5 tỷ đồng tương ứng với 290 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là DBC với 12,4 tỷ đồng tương ứng với 237 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VHM là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 60 tỷ đồng tương ứng với 656 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 668,43 triệu đồng tương ứng với khối lượng ròng 62 nghìn cổ phiếu. SHS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 1,3 tỷ đồng tương ứng với 96 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là LHC với 475 triệu đồng tương ứng với 7,1 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VCS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 887 triệu đồng tương ứng với 14 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ - ĐẦU TƯ

Kim ngạch xuất nhập khẩu đạt hơn 20 tỷ USD trong nửa đầu tháng 6

Tổng trị giá hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam trong kỳ 1 tháng 6/2020 đạt 10,37 tỷ USD, giảm 5,3% (tương ứng giảm 578 triệu USD) so với 15 ngày cuối tháng 5/2020. Trị giá hàng hóa nhập khẩu của Việt Nam trong kỳ 1 tháng 6/2020 đạt 10,2 tỷ USD, tăng 13,7% (tương ứng tăng 1,23 tỷ USD) so với 15 ngày cuối tháng 5/2020.

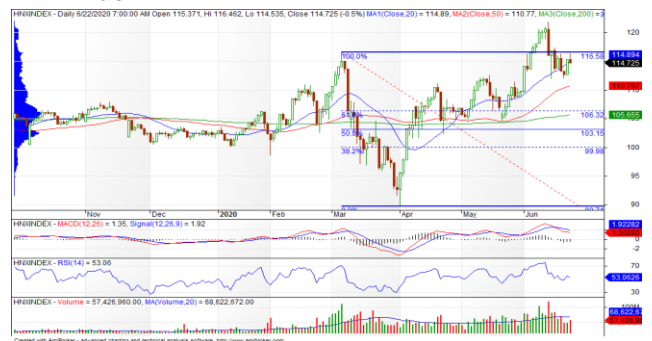
PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index tăng nhẹ trong phiên đầu tuần và chỉ số hiện kết phiên ngay gần ngưỡng 870 điểm (MA20), khối lượng khớp lệnh giảm nhẹ so với phiên cuối tuần trước và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên với 330 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 870 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 830 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, VN-Index hiện vận động trong thị trường giá xuống (bear market) với ngưỡng kháng cự tại 905 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 23/6, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm với ngưỡng kháng cự gần nhất quanh 880 điểm (fibonacci retracement 61,8%).

HNX-Index:



HNX-Index giảm nhẹ trong phiên đầu tuần và chỉ số hiện kết phiên dưới ngưỡng 115 điểm (MA20), khối lượng khớp lệnh tăng nhẹ so với phiên cuối tuần trước nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên với 57 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 115 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 111 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, HNX-Index hiện vận động trong thị trường giá lên (bull market) với ngưỡng hỗ trợ tại 105,5 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 23/6, HNX-Index có thể sẽ hồi phục trở lại với ngưỡng kháng cự gần nhất quanh 115 điểm (MA20).



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước tăng

Tại thời điểm 16 giờ, vàng SJC tại DOJI được niêm yết ở mức 48,65 - 48,83 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra), tăng 130.000 đồng/lượng ở cả chiều mua vào và giảm 10.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.

Tỷ giá trung tâm tăng 7 đồng

Ngày 22/6, Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ ở mức: 23.241 đồng (tăng 7 đồng so với ngày hôm qua).

TIN THẾ GIỚI

Giá vàng thế giới tăng

Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 7,5 USD/ounce tương ứng với 0,43% lên 1.760,5 USD/ounce.

Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm

Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,302 điểm tương ứng 0,31% xuống 97,28 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1222 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,2429 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 106,92 JPY.

Giá dầu thế giới tăng

Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,05 USD tương ứng 0,13% lên 39,88 USD/thùng.

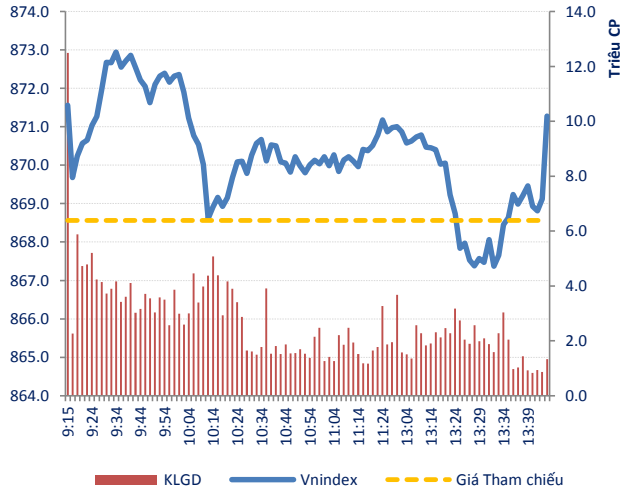
Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều

Kết thúc phiên giao dịch ngày 19/6, chỉ số Dow Jones giảm 208,64 điểm tương ứng 0,8% xuống 25.871,46 điểm; chỉ số Nasdaq tăng 3,07 điểm tương ứng 0,03% lên 9.946,12 điểm; chỉ số S&P 500 giảm 17,6 điểm tương ứng 0,56% xuống 3.097,74 điểm.

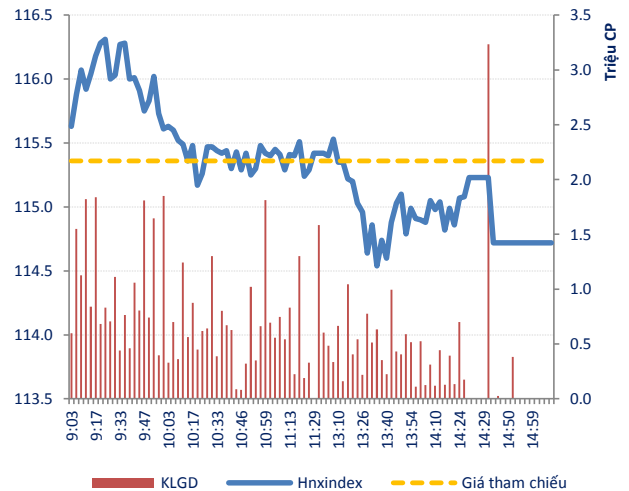


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

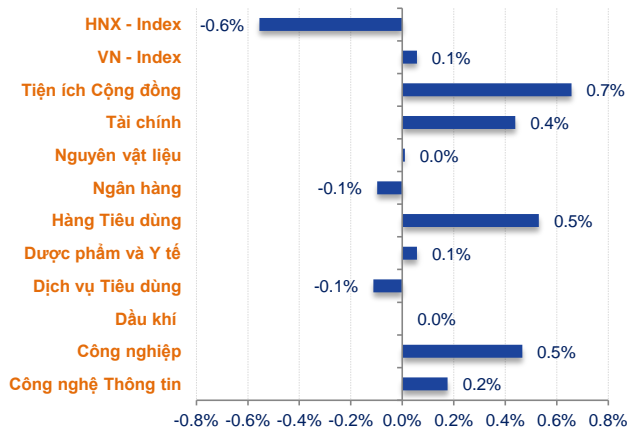
KLGD và VN-Index trong phiên



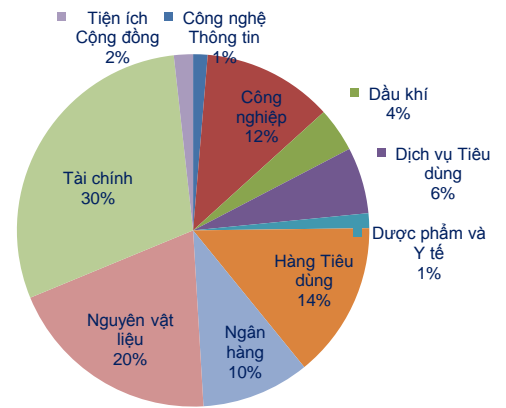
KLGD và HNX-Index trong phiên



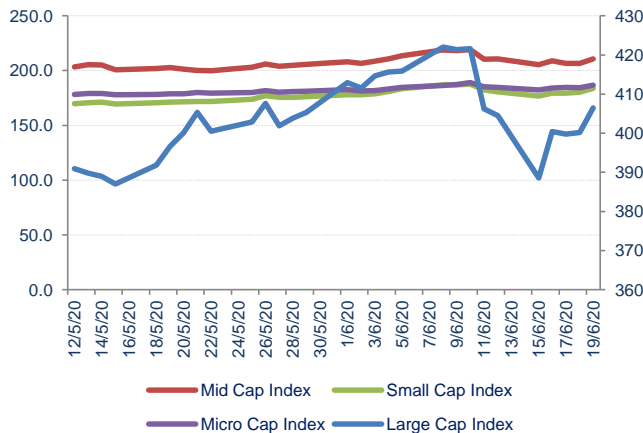
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



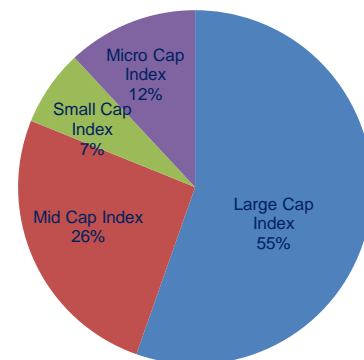
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | DPM | 955,050 | POW | 753,130 |
| 2 | ITA | 663,490 | HSG | 602,350 |
| 3 | VHM | 656,420 | HAG | 583,590 |
| 4 | HQC | 388,060 | PDR | 513,338 |
| 5 | VIC | 299,940 | CII | 511,190 |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | TIG | 49,900 | SHS | 95,520 |
| 2 | PVS | 25,800 | EID | 23,600 |
| 3 | VCS | 14,013 | SD6 | 18,300 |
| 4 | HKB | 10,000 | VMS | 14,200 |
| 5 | MBG | 10,000 | IVS | 13,000 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| HQC | 2.19 | 2.04 | ↓ -6.85% | 30,387,330 |
| ITA | 5.30 | 5.67 | ↑ 6.98% | 20,213,520 |
| FLC | 3.69 | 3.83 | ↑ 3.79% | 16,611,440 |
| ROS | 3.09 | 3.09 | → 0.00% | 11,835,510 |
| LDG | 7.09 | 7.27 | ↑ 2.54% | 11,525,220 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|---------|-----------|
| MBG | 5.20 | 5.70 | ↑ 9.62% | 8,481,016 |
| DST | 6.90 | 7.50 | ↑ 8.70% | 4,836,351 |
| HUT | 2.70 | 2.70 | → 0.00% | 4,784,445 |
| CEO | 9.30 | 9.30 | → 0.00% | 3,750,463 |
| SHS | 12.80 | 13.00 | ↑ 1.56% | 3,408,413 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|
| DAT | 7.29 | 7.80 | 0.51 | ↑ 7.00% |
| ITA | 5.30 | 5.67 | 0.37 | ↑ 6.98% |
| VID | 6.88 | 7.36 | 0.48 | ↑ 6.98% |
| TCD | 8.76 | 9.37 | 0.61 | ↑ 6.96% |
| QBS | 3.30 | 3.53 | 0.23 | ↑ 6.97% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|----------|
| ACM | 0.60 | 0.70 | 0.10 | ↑ 16.67% |
| WSS | 2.00 | 2.20 | 0.20 | ↑ 10.00% |
| LO5 | 2.00 | 2.20 | 0.20 | ↑ 10.00% |
| CVN | 11.00 | 12.10 | 1.10 | ↑ 10.00% |
| APP | 4.00 | 4.40 | 0.40 | ↑ 10.00% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| SSC | 63.80 | 59.40 | -4.40 | ↓ -6.90% |
| HQC | 2.19 | 2.04 | -0.15 | ↓ -6.85% |
| L10 | 14.90 | 13.90 | -1.00 | ↓ -6.71% |
| TIX | 29.20 | 27.25 | -1.95 | ↓ -6.68% |
| LCM | 0.75 | 0.70 | -0.05 | ↓ -6.67% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| BII | 0.90 | 0.80 | -0.10 | ↓ -11.11% |
| SMT | 12.00 | 10.80 | -1.20 | ↓ -10.00% |
| V21 | 6.00 | 5.40 | -0.60 | ↓ -10.00% |
| TVC | 15.00 | 13.50 | -1.50 | ↓ -10.00% |
| DZM | 5.10 | 4.60 | -0.50 | ↓ -9.80% |

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|---------|---------|------|-----|
| HQC | 30,387,330 | 0.8% | 72 | 28.3 | 0.2 |
| ITA | 20,213,520 | 3250.0% | 216 | 26.2 | 0.5 |
| FLC | 16,611,440 | -9.0% | (1,260) | - | 0.3 |
| ROS | 11,835,510 | 2.6% | 270 | 11.4 | 0.3 |
| LDG | 11,525,220 | 16.3% | 2,017 | 3.6 | 0.6 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|-------|-----|
| MBG | 8,481,016 | 7.0% | 703 | 8.1 | 0.5 |
| DST | 4,836,351 | 0.3% | 31 | 241.7 | 0.8 |
| HUT | 4,784,445 | 2.3% | 269 | 10.0 | 0.2 |
| CEO | 3,750,463 | 11.3% | 1,616 | 5.8 | 0.7 |
| SHS | 3,408,413 | 9.1% | 1,159 | 11.2 | 1.0 |

Top Độ biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|--------|---------|------|-----|
| DAT | ↑ 7.0% | 9.0% | 1,131 | 6.9 | 0.6 |
| ITA | ↑ 7.0% | 1.9% | 216 | 26.2 | 0.5 |
| VID | ↑ 7.0% | 1.6% | 266 | 27.7 | 0.4 |
| TCD | ↑ 7.0% | 14.7% | 1,870 | 5.0 | 0.7 |
| QBS | ↑ 7.0% | -24.1% | (2,651) | - | 0.3 |

Top Độ biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|--------|---------|-------|-----|
| ACM | ↑ 16.7% | 0.0% | 2 | 297.8 | 0.1 |
| WSS | ↑ 10.0% | -0.6% | (61) | - | 0.2 |
| LO5 | ↑ 10.0% | -12.7% | (1,315) | - | 0.8 |
| CVN | ↑ 10.0% | 32.1% | 4,995 | 2.4 | 0.7 |
| APP | ↑ 10.0% | 2.6% | 276 | 15.9 | 0.4 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| DPM | 955,050 | 5.3% | 1,101 | 13.9 | 0.7 |
| ITA | 663,490 | 1.9% | 216 | 26.2 | 0.5 |
| VHM | 656,420 | 39.5% | 7,688 | 10.2 | 3.6 |
| HQC | 388,060 | 0.8% | 72 | 28.3 | 0.2 |
| VIC | 299,940 | 5.6% | 2,023 | 47.9 | 2.7 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|-------|-------|------|-----|
| TIG | 49,900 | 9.9% | 1,406 | 5.4 | 0.5 |
| PVS | 25,800 | 3.7% | 990 | 12.8 | 0.5 |
| VCS | 14,013 | 44.7% | 9,481 | 6.7 | 2.9 |
| HKB | 10,000 | -0.8% | (55) | - | 0.2 |
| MBG | 10,000 | 7.0% | 703 | 8.1 | 0.5 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VIC | 327,758 | 5.6% | 2,023 | 47.9 | 2.7 |
| VCB | 317,109 | 21.9% | 4,849 | 17.6 | 3.7 |
| VHM | 257,569 | 39.5% | 7,688 | 10.2 | 3.6 |
| VNM | 200,955 | 35.6% | 6,063 | 19.0 | 6.2 |
| BID | 166,109 | 11.6% | 2,158 | 19.1 | 2.1 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| ACB | 40,072 | 23.2% | 3,770 | 6.4 | 1.4 |
| SHB | 25,452 | 13.8% | 1,667 | 8.7 | 1.1 |
| VCG | 11,970 | 8.5% | 1,506 | 18.0 | 1.6 |
| VCS | 9,824 | 44.7% | 9,481 | 6.7 | 2.9 |
| PVI | 6,840 | 8.2% | 2,602 | 11.8 | 1.0 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|------|-----|
| DRH | 1.97 | 7.4% | 974 | 8.6 | 0.6 |
| ROS | 1.97 | 2.6% | 270 | 11.4 | 0.3 |
| PVD | 1.92 | 2.1% | 713 | 15.0 | 0.3 |
| VHC | 1.85 | 21.3% | 5,611 | 6.8 | 1.4 |
| DBC | 1.84 | 21.3% | 6,049 | 8.8 | 1.7 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|------|-----|
| MBG | 2.63 | 7.0% | 703 | 8.1 | 0.5 |
| SHS | 2.25 | 9.1% | 1,159 | 11.2 | 1.0 |
| TNG | 2.14 | 22.8% | 3,606 | 3.7 | 0.8 |
| QNC | 2.00 | 92.1% | 2,454 | 1.4 | 0.9 |
| PVB | 1.98 | 23.5% | 4,573 | 3.4 | 0.7 |



Website: www.shs.com.vn

Chiu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiển
hien.nth@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

TRỤ SỞ:

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

CHI NHÁNH TP.HCM

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
